TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN KÔNG CHRO** **TỈNH GIA LAI** Bản án số: 02/2019/DS-ST Ngày: 30/8/2019 *"V/v: Tranh chấp hợp đồng mua bán".*	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KÔNG CHRO - TỈNH GIA LAI

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà:* Ông Lê Văn Tiến.
- *Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Quang Quốc.
2. Bà Đinh Thị Bích Vân.

- *Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên toà:* Ông Nguyễn Văn Tình – Thư ký Toà án nhân dân huyện Kông Chro, tỉnh Gia Lai.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kông Chro, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa*: Bà Nguyễn Thị Tường Vi - Kiểm sát viên.

Ngày 30/8/2019, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Kông Chro, tỉnh Gia Lai mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 19/2019/TLST–DS, ngày 09/5/2019, về việc: "*Tranh chấp hợp đồng mua bán*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2019/QĐST-DS, ngày 12/8/2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Ngô Bích L, sinh năm 1985; Địa chỉ: Thôn , xã K, huyện K, tỉnh G - Có mặt.

- *Bị đơn:* Bà Lê Thị Bích V, sinh năm 1973; Địa chỉ: Thôn , xã K, huyện K, tỉnh G - Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 08/5/2019, bản tự khai và tại phiên tòa, nguyên đơn là chị Ngô Bích L trình bày:

Do là chỗ quen biết nên từ năm 2014, giữa chị Ngô Bích L và bà Lê Thị Bích V có mua của chị L lương thực, thực phẩm như gạo, rau, thịt...để nấu ăn cho công nhân làm đá. Đến ngày 11/4/2019 hai bên có ngồi tính toán với nhau về số tiền nợ thì bà V xác nhận có nợ của chị L số tiền là 121.476.000 đồng. Ngoài ra do là chỗ quen biết tin tưởng nhau nên chị L có vay cho bà V số tiền là 50.000.000 đồng với lãi suất thỏa hai bên thuận là 2%/tháng, bà V thỏa thuận là hàng tháng sẽ trả cho chị L số tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng bao gồm cả gốc và lãi đến khi trả xong. Trong quá trình vay mượn bà V đã trả lãi cho chị L trong số tiền vay 50.000.000

đồng (năm mươi triệu đồng). Bà V đã trả lãi cho chị L nhưng đến cuối năm 2018 thì bà V không trả nữa, chị L đã đòi nhiều lần nhưng bà V đều cố tình trốn tránh không chịu trả nợ. Trong đơn khởi kiện chị L yêu cầu bà V trả số tiền tổng cộng 185.776.000 đồng. Tại phiên hòa giải ngày 23/7/2019 giữa chị L và bà V đã thống nhất được với nhau về số tiền bà V còn nợ chị Ly là 171.476.000 đồng.

Nay chị Ngô Bích L yêu cầu Tòa án nhân dân huyện K giải quyết buộc bà Lê Thị Bích V phải trả số tiền là 171.476.000 đồng. Ngoài ra không có yêu cầu gì khác.

Về phía bị đơn trong vụ án là bà Lê Thị Bích V trình bày:

Từ năm 2014, bà V có mua một số lương thực, thực phẩm do chị Ngô Bích L bán gồm gạo, thịt, rau…để nấu cơm cho thợ bãi đá. Sau khi tôi và chị L cộng sổ về việc nợ bà V xác nhận ngày 06/01/2018 bà còn nợ chị L số tiền là 141.550.000 đồng. Nay chị L yêu cầu bà V trả số tiền là 185.776.000 đồng (Một trăm tám mươi lăm triệu bảy trăm bảy mươi sáu nghìn đồng) thì bà V không đồng ý.

Tại Biên bản hòa giải ngày 23/7/2019 chị Ngô Bích L và bà Lê Thị Bích V đã thống nhất về số nợ, theo đó bà Lê Thị Bích V thống nhất còn nợ chị Ngô Bích L số tiền là 171.476.000 đồng, nhưng không thống nhất về thời hạn trả nợ, lý do là hoàn cảnh khó khăn bà V chỉ trả dần mỗi tháng 2.000.000 đồng.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án được thực hiện đúng quy định. Các đương sự được xác định đúng tư cách pháp lý đương sự, đảm bảo việc thu thập chứng cứ, việc cấp tống đạt văn bản tố tụng hợp lệ cho đương sự và chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát cùng cấp nghiên cứu đúng thời gian quy định.

Về nôi dung vụ án: Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 430, Điều 440 của Bộ luật Dân sự năm 2015 buộc bà Lê Thị Bích V phải trả cho chị Ngô Bích L số tiền là 171.476.000 đồng (Một trăm bảy mươi mốt triệu bốn trăm bảy mươi sáu nghìn đồng). Đồng thời buộc bà Lê Thị Bích V phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Do bị đơn có nơi cư trú tại địa chỉ là thôn , xã K, huyện K, tỉnh G. Căn cứ theo quy định tại điểm a khoản 1, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 xác định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện K.

[2] Về quan hệ tranh chấp: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn phải trả khoản tiền nợ trong quá trình mua bán số tiền 171.476.000 đồng. Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp là Tranh chấp về Hợp đồng mua bán theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án Toà án đã tiến hành tống đạt các giấy tờ theo luật định và đương sự đều chấp hành theo yêu cầu của Tòa án.

[4] Về nội dung vụ án: Chị Ngô Bích L và bà Lê Thị Bích V có quan hệ mua bán lương thực, thực phẩm gồm gạo, rau, thịt...Trong quá trình mua bán hai bên có tính toán với nhau nhưng sau đó không thống nhất được khoản nợ, do đó chị Ngô Bích L khởi kiện yêu cầu bà Lê Thị Bích V trả số tiền 185.776.000 đồng. Quá trình giải quyết vụ án các đương sự thống nhất được số nợ nhưng không thống nhất được thời gian trả do đó chị L yêu cầu bà V phải có nghĩa vụ thanh toán số tiền 171.476.000 đồng.

Xét yêu cầu của chị Ngô Bích L thì thấy rằng: Về số nợ các đương sự đã thống nhất bà V còn nợ chị L số tiền 171.476.000 đồng, mặc dù đã thống nhất số nợ nhưng bà V lại không ấn định thời gian thanh toán dứt điểm, nêu lý do hoàn cảnh khó khăn để trả dần 1 tháng số tiền 2.000.000 đồng, khi có điều kiện sẽ thanh toán nhiều hơn cho đến khi hết nợ nhưng không được chị L đồng ý. Do đó chị L yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, cần buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền 171.476.000 đồng.

[5] *Về án phí*: Yêu cầu của nguyên đơn chị Ngô Bích L được chấp nhận nên bị đơn bà Lê Thị Bích V phải chịu toàn bộ án phí theo quy định của pháp luật; chị Ngô Bích L được hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a, khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 3 Điều 144; Điều 147; Điều 220; Điều 235; Điều 266 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Áp dụng Điều 430 Điều 440 của Bộ luật dân sự;

- Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

**** Xử**:*

- Buộc bà Lê Thị Bích V phải thanh toán cho chị Ngô Bích L số tiền là 171.476.000 đồng *(Một trăm bảy mươi mốt triệu bốn trăm bảy mươi sáu nghìn đồng)*.

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

- *Về án phí*:

+ Buộc bà Lê Thị Bích V phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 8.573.800 đồng (*Tám triệu năm trăm bảy mươi ba nghìn tám trăm đồng*).

+ Chị Ngô Bích L không phải chịu án phí sơ thẩm; hoàn trả lại cho Ngô Bích L số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm là 3.036.900 đồng (*Ba triệu không trăm ba mươi sáu nghìn chín trăm đồng*) đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng phí, lệ phí Tòa án số 0000144, ngày 09/5/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện K, tỉnh Gia Lai.

Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án, các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà

Lê Văn Tiến

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND huyện K;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS huyện K;
- Lưu.

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA